

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số 4308/STC-QLNS ngày 11/12/2020 của Sở Tài chính)*

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.161.970</b>	<b>5.509.388</b>	<b>3.652.582</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.552.416</b>	<b>3.020.622</b>	<b>3.531.794</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.400.710</b>	<b>958.994</b>	<b>441.716</b>
1	Chi đầu tư các dự án (1)	1.216.110	774.394	441.716
	<u>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</u>			
	- Chi XDCCB tập trung phân bổ	396.110	350.394	45.716
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	780.000	384.000	396.000
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000	40.000	
2	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	107.600	107.600	
3	Chi thực hiện NQ số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh (về xây dựng NTM đến năm 2020)	30.000	30.000	
4	Chi hỗ trợ 02 tỉnh Savannakhet, Salavan - Nước CHDCND Lào (đầu tư công trình)	4.000	4.000	
5	Chi thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh	3.000	3.000	
6	Chi đầu tư khác	40.000	40.000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.874.141</b>	<b>1.853.891</b>	<b>3.020.250</b>
	<u>Trong đó:</u>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.222.479	424.106	1.781.417
	- Chi khoa học và công nghệ	21.839	20.070	
	- Chi sự nghiệp môi trường	68.206	10.649	53.260
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4.100</b>	<b>4.100</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>191.344</b>	<b>121.516</b>	<b>69.828</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>81.121</b>	<b>81.121</b>	
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>2.488.766</b>	<b>2.488.766</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>2.176.705</b>	<b>2.176.705</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu</b>	<b>312.061</b>	<b>312.061</b>	
1	Vốn ngoài nước	26.560	26.560	
2	Vốn trong nước	285.501	285.501	
	- Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	22.187	22.187	
	- Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	15.341	15.341	



S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	- Kinh phí hỗ trợ trẻ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo, và chính sách đối với giáo viên mầm non; Chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo học sinh dân tộc rất ít người	5.293	5.293	
	- Học bổng học sinh dân tộc nội trú; học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	8.627	8.627	
	- Hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	979	979	
	- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT người nghèo, người sống ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK, người dân tộc thiểu số sống ở vùng KT-XH khó khăn	25.530	25.530	
	- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	14.929	14.929	
	- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng (cựu chiến binh, thanh niên xung phong, bảo trợ xã hội, học sinh, sinh viên, hộ cận nghèo, hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, người hiến bộ phận cơ thể người)	22.699	22.699	
	- Hỗ trợ thực hiện chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số; ...	42.924	42.924	
	- Hỗ trợ khai thác nuôi trồng hải sản trên các vùng biển xa	37.889	37.889	
	- Hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	2.376	2.376	
	- Vốn chuẩn bị động viên	10.000	10.000	
	- Kinh phí hỗ trợ an ninh, quốc phòng	6.160	6.160	
	- Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông (2)	24.121	24.121	
	- Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	46.446	46.446	
<b>C</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TỈNH CHO NS HUYỆN</b>	<b>120.788</b>		<b>120.788</b>
<b>D</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>			

**Ghi chú:**

(1) Trong dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh, đã bao gồm vốn ĐTPT bố trí cho các chương trình, dự án vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại.

(2) Phân bổ 70% cho lực lượng Công an (bao gồm Công an tỉnh và Công an các huyện, TP, TX) thực hiện nhiệm vụ bảo đảm TTATGT trên địa bàn; 30% còn lại cho các lực lượng khác của địa phương thực hiện công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn.